

BẢNG 3: TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI DỰ ÁN

TT	HẠNG MỤC TRIỂN KHAI	TỔNG CỘNG	Năm 2025		Năm 2026				Năm 2027				Năm 2028			
			QUÝ III	QUÝ IV	QUÝ I	QUÝ II	QUÝ III	QUÝ IV	QUÝ I	QUÝ II	QUÝ III	QUÝ IV	QUÝ I	QUÝ II	QUÝ III	QUÝ IV
I	Chi phí tiền giải phóng mặt bằng	100%	100%													
II	Xây dựng các công trình															
1	Tòa CT1	100%		15%	15%	15%	15%	15%	15%	10%						
2	Tòa CT2	100%			15%	15%	15%	15%	15%	15%	10%					
3	Tòa CT3	100%				15%	15%	15%	15%	15%	15%	10%				
4	Tòa CT4	100%					15%	15%	15%	15%	15%	15%	10%			
5	Khối nhà thấp tầng	100%							20%	20%	20%	20%	20%			
6	Hạ tầng kỹ thuật	100%			20%	20%						30%	30%			
III	Lắp đặt thiết bị xây dựng															
1	Tòa CT1	100%							40%	60%						
2	Tòa CT2	100%								40%	60%					
3	Tòa CT3	100%									40%	60%				
4	Tòa CT4	100%										40%	60%			
5	Hạ tầng kỹ thuật	100%											100%			
IV	Quản lý dự án	100%	8,3%	8,3%	8,3%	8,3%	8,3%	8,3%	8,3%	8,3%	8,3%	8,3%	8,3%	8,3%		
V	Tư vấn đầu tư xây dựng															
1	Công tác khảo sát địa chất	100%	100%													
2	Công tác lập báo cáo nghiên cứu khả thi	100%	100%													
3	Công tác thiết kế, lập dự toán	100%	90%											10%		
4	Công tác thẩm tra báo cáo NCKT đầu tư xây dựng	100%	100%													
5	Công tác thẩm tra thiết kế, dự toán	100%	100%													
6	Công tác lập HSMT, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	100%	50%	50%												
7	Công tác lập HSMT, đánh giá hồ sơ dự thầu cung cấp vật tư thiết bị	100%						100%								
8	Công tác giám sát thi công XDCT	100%		3%	5%	10%	12%	15%	15%	15%	10%	10%	5%			
9	Công tác giám sát lắp đặt vật tư thiết bị	100%							20%	20%	20%	20%	20%			
10	Chi phí giám sát công tác khảo sát	100%	100%													
11	Chi phí quy đổi vốn đầu tư	100%												100%		
12	Báo cáo đánh giá tác động môi trường	100%	100%													
13	Công tác thí nghiệm, nén tĩnh cọc	100%		100%												
14	Công tác lập HSMT, đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu tư vấn	100%	100%													
VI	Công việc khác															
1	Công tác kiểm toán độc lập	100%												100%		

TT	HẠNG MỤC TRIỂN KHAI	TỔNG CỘNG	Năm 2025		Năm 2026				Năm 2027				Năm 2028			
			QUÝ III	QUÝ IV	QUÝ I	QUÝ II	QUÝ III	QUÝ IV	QUÝ I	QUÝ II	QUÝ III	QUÝ IV	QUÝ I	QUÝ II	QUÝ III	QUÝ IV
2	Công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán	100%												100%		
3	Công tác thẩm duyệt PCCC	100%		100%												
4	Công tác bảo hiểm công trình	100%		100%												
5	Chi phí quan trắc lún, quan trắc nghiêng	100%		10%	10%	10%	10%	10%	10%	10%	10%	10%	10%			
6	Chi phí đảm bảo an toàn giao thông và hoàn trả mặt bằng hạ tầng kỹ thuật	100%		10%	10%	10%	10%	10%	10%	10%	10%	10%	10%			
7	Công tác quan trắc môi trường định kỳ 3 tháng/ 1 lần	100%		10%	10%	10%	10%	10%	10%	10%	10%	10%	10%			
8	Chi phí huy động thiết bị đặc thù đến công trình	100%		50%		50%										
9	Chi phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	100%	100%													
10	Chi phí rà phá bom mìn	100%		100%												
11	Phí thẩm định cấp giấy phép môi trường	100%	100%													
12	Công tác đấu nối hạ tầng	100%								25%	25%	25%	25%			
13	Công tác kiểm định chất lượng công trình	100%								25%	25%	25%	25%			